TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2019
"*V/v Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Ngọc Anh

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2018 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/01/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Chu Thị H, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị An - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Giã Xuân T, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/7/2018, bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Chu Thị H trình bày: Bà và ông

Giã Xuân T tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào năm 1973 (không nhớ ngày tháng) do ông Nguyễn Lụa là người đăng ký kết hôn (ông Lụa hiện đã chết). Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng không được bao lâu phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng không tin tưởng nhau. Bà H nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên mong muốn được ly hôn với ông T.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Giã Xuân T trình bày: Về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn như ý kiến trình bày của bà H. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, một phần vì ông bà tuổi đã cao, con cháu đã khôn lớn nên ông không muốn ly hôn. Nếu bà H kiên quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông T đề nghị xét xử theo nội dung đơn xin ly hôn của bà H.

Về quan hệ con chung: Bà Chu Thị H và ông Giã Xuân T thống nhất trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có 05 con chung là Giã Thanh Tuấn, sinh ngày 01/7/1976, Giã Thị Tú, sinh ngày 11/11/1981, Giã Xuân Tĩnh, sinh ngày 01/9/1983, Giã Thị Thịnh, sinh ngày 20/7/1988 và Giã Thị Thành, sinh ngày 17/7/1990. Các con hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và đã lập gia đình riêng nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Chu Thị H và ông Giã Xuân T thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà H và ông T xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1973 cho đến nay, tuy nhiên giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, bà H sống không hạnh phúc và xin được ly hôn. Qua trình bày của bà H và ông T thấy rằng mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, xử cho bà Chu Thị H được ly hôn ông Giã Xuân T; Về quan hệ con chung và tài sản chung: đương sự không yêu cầu; Về án phí: xét miễn nộp tiền án phí cho bà Chu Thị H theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Chu Thị H, xử cho bà Chu Thị H được ly hôn ông Giã Xuân T; Về quan hệ con chung: miễn xét. Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không xem xét. Về án phí: Đương sự được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Chu Thị H khởi kiện xin ly hôn đối với ông Giã Xuân T. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H và ông T không cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án nhưng trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định như sau: giữa bà Chu Thị H và ông Giã Xuân T đã tìm hiểu và đi đến hôn nhân là tự nguyện, ông bà xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1973 cho đến nay. Qua xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Quảng Kim kết quả thể hiện: ông T và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1973 cho đến thời điểm bà H làm đơn xin ly hôn ông T là tháng 7/2018, qua nhiều lần trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quảng Kim di chuyển nhiều nơi vì vậy sổ gốc đăng ký kết hôn đã thất lạc, hiện nay không còn lưu giữ tại xã. Ông T và bà H đã có con chung với nhau, có tài sản chung, ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1973 cho đến thời điểm ly hôn, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày

09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hoàn toàn hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà H sống chung hạnh phúc nhưng sau đó đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do các bên tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên cãi nhau. Bà H nhận thấy cuộc sống không hạnh phúc nên mong muốn xin được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Đối với yêu cầu, nguyện vọng của ông T là mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì tuổi đã cao, con cháu đã khôn lớn. Tuy nhiên, thời gian xảy ra mâu thuẫn đã lâu nhưng ông không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, xét xử cho bà H được ly hôn đối với ông T.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Chu Thị H và ông Giã Xuân T thống nhất thừa nhận, quá trình chung sống vợ chồng có 05 con chung là Giã Thanh Tuấn, sinh ngày 01/7/1976, Giã Thị Tú, sinh ngày 11/11/1981, Giã Xuân Tĩnh, sinh ngày 01/9/1983, Giã Thị Thịnh, sinh ngày 20/7/1988 và Giã Thị Thành, sinh ngày 17/7/1990. Các con chung hiện đã lập gia đình, có công việc làm, có thu nhập và có tài sản tự nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Chu Thị H và ông Giã Xuân T thừa nhận có tài sản chung nhưng các bên tự thỏa thuận phân chia tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí ly hôn: Bà Chu Thị H là đối tượng người cao tuổi, người có công với cách mạng nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn nộp tiền án phí ly hôn cho bà Chu Thị H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Chu Thị H, xử cho bà Chu Thị H được ly hôn ông Giã Xuân T.

2. Về quan hệ con chung: không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung: không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Chu Thị H được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các bên đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/02/2019).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương